TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Nam Hùng

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Bình Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2509/2024/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2025/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1184/2025/QĐST – DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 19, Tháp B khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 1 – số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 2000

Cư trú: Số 360 đường Võ Nguyên Giáp, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1990

Cư trú: Số nhà 101 Lô A5 chung cư 6,4 ha L, phường L, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2024, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị Phương T1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/8/2023 giữa Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam (gọi tắt là công ty tài chính) và bà Trần Thị Thu T có ký hợp đồng cho vay với nội dung công ty tài chính đồng ý cho bà T vay số tiền 71.000.000 đồng (Trong đó số tiền 68.208.000 đồng vay mục đích mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình, số tiền 2.792.000 đồng vay mục đích trả phí bảo hiểm S Credit Care Plus). Thời hạn vay 48 tháng. Phương thức cho vay: cho vay trả góp. Lãi suất vay 30.5%/năm cố định trong suốt thời hạn vay. Hình thức thanh toán: 47 kỳ, hàng tháng thanh toán số tiền 2.562.309 đồng bắt đầu từ ngày 10/9/2023 đến ngày 10/7/2027. Tháng cuối cùng vào ngày 10/8/2027 thanh toán số tiền còn lại là 2.562.317 đồng. Ngày 18/8/2023 công ty tài chính đã giải ngân số tiền 71.000.000 đồng cho bà T bằng hình thức chuyển khoản theo giấy cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân có xác nhận của bà T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T chỉ thanh toán cho công ty tài chính 01 kỳ với tổng số tiền đã trả là 2.600.000 đồng vào ngày 08/9/2023. Nhưng kể từ ngày 09/9/2023 đến nay bà T không tiếp tục thanh toán cả gốc và lãi như đã thỏa thuận. Mặc dù công ty tài chính đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T vẫn ngưng thanh toán cả gốc và lãi cho công ty.

Do bà T đã vi phạm về thời gian thanh toán tiền gốc và lãi cho công ty tài chính nên Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thu T phải trả ngay cho Công ty tài chính số tiền 117.795.821 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 69.802.258 đồng và lãi trong kỳ là 34.704.079 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 13.289.484 đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bà Trần Thị Thu T vay tiền, không liên quan gì đến ai, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Thu T nhưng bà T không đến Tòa làm việc và Tòa án cũng không nhận được ý kiến gì của bà T về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ

Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Thu T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 117.795.821 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 69.802.258 đồng và lãi trong kỳ là 34.704.079 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 13.289.484 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty tài chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T phải thanh toán số tiền nợ vay thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bà Trần Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại 101 Lô A5 chung cư 6,4 ha L, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ theo khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025); điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trần Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng Hợp đồng cho vay ngày 18/8/2023 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 18/8/2023 bị đơn có đề nghị nguyên đơn vay số tiền 71.000.000 đồng (trong đó khoản vay tiêu dùng 68.208.000 đồng và phí bảo hiểm S Credit Care Plus là 2.792.000 đồng). Thời hạn vay 48 tháng. Phương thức cho vay: cho vay trả góp. Lãi suất vay 30.5%/năm. Hình thức thanh toán: hàng tháng thanh toán số tiền 2.562.309 đồng bắt đầu từ ngày 10/9/2023 đến 10/7/2027 và ngày 10/8/2027 thanh toán số tiền còn lại là 2.562.317 đồng.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc thanh toán số tiền nợ vay. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân có xác nhận của bà T để xác định bà Trần Thị Thu T đã nhận đủ số tiền nợ vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T chỉ thanh toán cho công ty tài chính số tiền là 2.600.000 đồng vào ngày 08/9/2023. Nhưng kể từ ngày 09/9/2023 đến nay bà T không tiếp tục thanh toán cả gốc và lãi như đã thỏa thuận. Mặc dù công ty tài chính đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T vẫn ngưng thanh toán cả gốc và lãi cho công ty.

Xét, do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho công ty tài chính được quy định trong Hợp đồng cho vay nên Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam yêu cầu bà Trần Thị Thu T phải thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam số tiền 117.795.821 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 69.802.258 đồng và lãi trong kỳ là 34.704.079 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 13.289.484 đồng) là có cơ sở vì phù hợp với quy định tại khoản 4.1, 4.3 Điều 4 Bản Điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay của Công ty tài chính.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (chuyển tiếp Điều 100 và Điều 105 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố Tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025);

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025).

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (chuyển tiếp Điều 100 và Điều 105 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam số tiền nợ vay là 117.795.821 đ (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 69.802.258 đồng và lãi trong kỳ là 34.704.079 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 13.289.484 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho

vay theo từng thời kỳ của Công ty tài chính thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.889.791 đ (Năm triệu tám trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi mốt đồng). Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 3.097.054 đ (Ba triệu không trăm chín mươi bảy ngàn không trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/24P, số 0067350 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S Việt Nam.

3-/ Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014";

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV2-TPHCM;
- THADSTPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Hà